

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1268/BTC-CST
V/v xin ý kiến về dự thảo Thông tư
quy định mức thu, chế độ thu, nộp,
quản lý và sử dụng phí thẩm định
các đồ án quy hoạch

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Bộ Xây dựng có công văn số 4748/BXD-KTXD ngày 26/10/2022 đề nghị ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

Căn cứ quy định pháp luật phí và lệ phí, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch (*dự thảo gửi kèm*). Đề nghị quý cơ quan nghiên cứu, có ý kiến tham gia đề Bộ Tài chính tổng hợp, hoàn thiện dự thảo Thông tư.

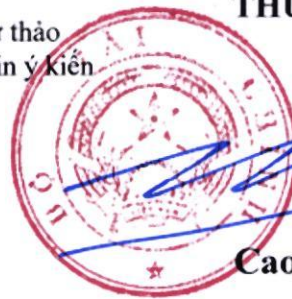
Ý kiến tham gia xin gửi về Bộ Tài chính trước ngày 20/12/2022.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý cơ quan. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; | Để đăng dự thảo
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính; | Thông tư xin ý kiến
- Lưu: VT, CST (CST5) (8b) *Amu*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Cao Anh Tuấn

Số: /2022/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

THÔNG TƯ

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định các đồ án quy hoạch**

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch (đồ án quy hoạch xây dựng).

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

a) Người nộp phí.

b) Tổ chức thu phí.

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng.

Điều 2. Người nộp phí

Người nộp phí là cơ quan trình thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng (theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng), cơ quan trình thẩm định đồ án quy hoạch đô thị (theo quy định tại Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị).

Điều 3. Tổ chức thu phí

Cơ quan có thẩm quyền thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng, thẩm định đồ án quy hoạch đô thị theo quy định tại Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch là tổ chức thu phí

Điều 4. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng thực hiện theo quy định tại Biểu mức thu phí dưới đây. Mức thu phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí lập đồ án quy hoạch đề nghị thẩm định.

Chi phí lập đồ án quy hoạch (triệu đồng)	≤ 200	>200 và ≤ 500	>500 và ≤ 700	>700 và ≤ 1.000	>1.000 và ≤ 2.000	>2.000 và ≤ 5.000	>5.000 và ≤ 7.000	>7.000
Mức thu phí (tỷ lệ %)	12,3	9,7	8,4	7,5	5,5	3,9	3,2	2,8

Số phí thẩm định phải nộp = Chi phí lập đồ án quy hoạch (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) x Mức thu phí.

2. Đối với đồ án quy hoạch phải điều chỉnh:

a) Trường hợp điều chỉnh tổng thể:

Phạm vi điều chỉnh vượt quá quy mô diện tích và dân số của đồ án đã được phê duyệt: Mức thu phí bằng 100% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

Phạm vi điều chỉnh không vượt quy mô diện tích và dân số của đồ án đã được phê duyệt: Mức thu phí bằng 80% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Trường hợp điều chỉnh cục bộ: Mức thu phí bằng 20% mức thu phí quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Kê khai, nộp phí

1. Chậm nhất là ngày 05 hàng tháng, tổ chức thu phí phải gửi số tiền phí đã thu của tháng trước vào tài khoản phí chờ nộp ngân sách mở tại Kho bạc Nhà nước.

2. Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, nộp phí theo tháng và quyết toán năm theo quy định tại Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế.

Điều 6. Quản lý và sử dụng phí

1. Tổ chức thu phí là cơ quan nhà nước nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (phí do cơ quan trung ương quản lý thu thì nộp vào ngân sách trung ương, phí do cơ quan địa phương quản lý thu thì nộp vào ngân sách địa phương). Nguồn chi phí trang trải cho việc thẩm định và thu phí do ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán của tổ chức thu phí theo chế độ, định mức chi ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tổ chức thu phí được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thẩm định và thu phí; nộp 10% tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Tiền phí được để lại theo quy định tại khoản 1 Điều này được quản lý và sử dụng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP. Sau khi quyết toán thu, chi đúng chế độ, số tiền phí trong năm được trích để lại chưa chi được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định; trường hợp hết 02 năm kể từ năm được chuyển nguồn, số tiền phí đã được chuyển nguồn không còn nhiệm vụ chi thì phải nộp toàn bộ vào ngân sách nhà nước.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không quy định tại Thông tư này được thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, Luật Quản lý thuế, Nghị định số

126/2020/NĐ-CP, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ, Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 9 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hoá đơn, chứng từ.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng nộp phí và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- UBND, Sở Tài chính, Cục Thuế, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (CST5).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn



Bộ Xây dựng
24-10-2022
16:15:39+07:00

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4748 / BXD-KTXD

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2022

V/v xây dựng “Đề án Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch”

BỘ TÀI CHÍNH

ĐẾN Số: 88042

Ngày: 24-10-2022

Chuyên:

Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Bộ Tài chính

Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015 ban hành danh mục Phí thẩm định các đồ án quy hoạch tại Phụ lục số 01 (Phí thuộc lĩnh vực thương mại, công nghiệp, đầu tư, xây dựng). Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí quy định tại: Khoản 1 Điều 6: “1... Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu; không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí, bộ quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng đề án (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính) theo quy định tại Khoản 3 Điều này”; Khoản 3 Điều 6: “3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm: b) Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu hoặc các cơ quan địa phương thực hiện thu (không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí), thì giao đơn vị chức năng xây dựng đề án trình bộ thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí”.

Việc thẩm định đồ án quy hoạch (gồm quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng) theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành Luật do nhiều tổ chức cùng thực hiện (Bộ Xây dựng và các Sở ngành địa phương theo phân công, phân cấp); do đó, Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng Đề án “Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch” theo quy định nêu trên.

Bộ Xây dựng gửi Bộ Tài chính để nghiên cứu, làm cơ sở ban hành mức thu phí theo thẩm quyền. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT Nguyễn Thanh Nghị (để b/c);
- Lưu: VT, QHKT, KTXD.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Hồng Minh

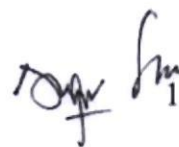
ĐỀ ÁN

Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch

(Kèm theo văn bản số 4748/BXD-KTXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 do Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 35/2018/QH 14 ngày 20/11/2018;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 do Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 50/2020/QH 14 ngày 17/6/2020;
- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 do Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;
- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 16/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng
- Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
- Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn.

 1

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

2.1. Thẩm định các đề án quy hoạch theo Luật chuyên ngành

2.1.1. Theo Luật Quy hoạch đô thị

Việc thẩm định đề án quy hoạch được quy định tại Điều 41, Điều 42, Điều 43 về cơ quan thẩm định, hội đồng thẩm định và nội dung thẩm định. Cụ thể như sau:

- Điều 41. Cơ quan thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch đô thị:

"1. Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

2. Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp tỉnh thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cùng cấp, trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết các khu vực thuộc dự án đầu tư xây dựng được cấp giấy phép quy hoạch.

3. Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện thẩm định nhiệm vụ và đề án quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cùng cấp, trừ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết các khu vực thuộc dự án đầu tư xây dựng được cấp giấy phép quy hoạch".

- Điều 42. Hội đồng thẩm định

"1. Bộ Xây dựng quyết định thành lập Hội đồng thẩm định trong các trường hợp sau đây:

a) Quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

b) Quy hoạch đô thị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hoá, lịch sử, được Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Xây dựng tổ chức lập.

2. Ủy ban nhân dân có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội, nghề nghiệp có liên quan".

 2

- Khoản 2 Điều 43. Nội dung thẩm định Đồ án quy hoạch đô thị bao gồm:

a) Việc đáp ứng các điều kiện của tổ chức tư vấn lập quy hoạch đô thị theo quy định tại Điều 10 của Luật này;

b) Căn cứ lập đồ án quy hoạch đô thị theo quy định tại Điều 24 của Luật này;

c) Sự phù hợp của đồ án quy hoạch đô thị với nhiệm vụ và yêu cầu quy hoạch đô thị quy định tại Điều 6 của Luật này và các yêu cầu về nội dung đối với từng loại đồ án quy định tại các mục 3, 4 và 5 Chương II của Luật này”.

2.1.2. Theo Luật Xây dựng

Việc thẩm định đồ án quy hoạch được quy định tại Điều 32, Điều 33 về thẩm quyền thẩm định, hội đồng thẩm định và nội dung thẩm định. Cụ thể như sau:

- Điều 32. Thẩm quyền thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch:

“1. Bộ Xây dựng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

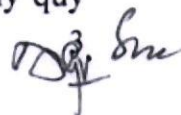
2. Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cùng cấp”.

- Điều 33. Hội đồng thẩm định và nội dung thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng

“1. Bộ Xây dựng quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và đồ án quy hoạch xây dựng do Bộ Xây dựng tổ chức lập. Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định.

2. Ủy ban nhân dân quyết định thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan quản lý quy



hoạch xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định cùng cấp.

3. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm đại diện các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức xã hội nghề nghiệp và các chuyên gia trong lĩnh vực có liên quan.

5. Nội dung thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng gồm:

a) Việc đáp ứng các điều kiện của tổ chức thực hiện thiết kế quy hoạch xây dựng theo quy định tại Điều 150 của Luật này;

b) Căn cứ lập đồ án quy hoạch xây dựng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này;

c) Sự phù hợp của đồ án quy hoạch xây dựng với nhiệm vụ và yêu cầu về nội dung đối với từng loại quy hoạch xây dựng quy định tại các mục 2, 3 và 4 Chương này”.

Như vậy, theo các Luật chuyên ngành, thẩm định đồ án quy hoạch (quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng) là nội dung bắt buộc phải thực hiện, làm cơ sở phê duyệt đồ án quy hoạch.

2.2. Phí thẩm định các đồ án quy hoạch theo Luật Phí và lệ phí

Luật Phí và lệ phí năm 2015 tại Phụ lục số 01 – Phí thuộc lĩnh vực thương mại, công nghiệp, đầu tư, xây dựng có danh mục Phí thẩm định các đồ án quy hoạch thuộc thẩm quyền quy định của Bộ Tài chính.

Theo quy định tại Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí:

- Khoản 1 Điều 6: “1. Tổ chức thu phí, lệ phí có trách nhiệm: ...Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu; không ban hành văn bản riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí, bộ quản lý chuyên ngành chủ trì xây dựng đề án (đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền Bộ Tài chính) theo quy định tại Khoản 3 Điều này”

- Khoản 3 Điều 6: “3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm: b) Trường hợp khoản phí, lệ phí do nhiều tổ chức cùng thực hiện thu hoặc các cơ quan địa phương thực hiện thu (không ban hành văn bản

⁴
T. S. S. S. S.

riêng cho từng tổ chức thu phí, lệ phí), thì giao đơn vị chức năng xây dựng đề án trình bộ thẩm định và có văn bản đề nghị Bộ Tài chính ban hành văn bản quy định thu phí, lệ phí”

Việc thu phí thẩm định đồ án quy hoạch do nhiều cơ quan nhà nước theo phân cấp cùng thực hiện; do đó, căn cứ quy định về thẩm định các đồ án quy hoạch tại các Luật chuyên ngành và Luật Phí và lệ phí nêu trên, Bộ Xây dựng tổ chức xây dựng Đề án “Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch” gửi Bộ Tài chính làm cơ sở ban hành quy định về mức thu phí theo thẩm quyền là cần thiết và theo đúng quy định.

III. ĐỀ XUẤT MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH

3.1. Nguyên tắc xác định mức thu phí

Nguyên tắc chỉ đạo xác định mức thu phí quy định tại Điều 8, Luật Phí và Lệ phí là “đảm bảo bù đắp chi phí, có tính đến chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của công dân”.

Trên cơ sở nguyên tắc chỉ đạo, mức thu phí được xác định trong Đề án này phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- Phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước về phí và lệ phí;
- Đảm bảo công bằng trong việc nộp phí;
- Được tính đủ để đảm bảo ở mức tối thiểu chi trả cho hoạt động thẩm định đồ án quy hoạch;
- Phù hợp với khả năng đóng góp của đối tượng nộp phí;
- Cụ thể và dễ dàng cho việc tính toán, thu phí;
- Có tính kế thừa theo các mức thu hiện hành.

3.2. Các chi phí cần thiết phục vụ thẩm định đồ án quy hoạch

Nội dung thẩm định đồ án quy hoạch, việc thành lập Hội đồng thẩm định đồ án quy hoạch đã được quy định tại Điều 42, Điều 43 Luật Quy hoạch đô thị và Điều 33 Luật Xây dựng. Do đó, để thẩm định đồ án quy hoạch cần có sự phối hợp của các tổ chức, cá nhân có liên quan và cần có nguồn kinh phí để chi trả cho các hoạt động chuyên môn liên quan trực tiếp đến công tác thẩm định như:

- Chi trả thù lao trực tiếp cho các cá nhân, cơ quan tham gia trong quá trình thẩm định;

- Chi phí hội nghị, hội thảo, các cuộc họp lấy ý kiến góp ý;

- Chi phí quản lý hành chính phục vụ công tác thẩm định dự án quy hoạch (như văn phòng phẩm, phô tô, in ấn,...);

- Chi cho việc khảo sát thực tế tại các địa điểm có dự án quy hoạch;

- Chi phí thuê tổ chức, chuyên gia (kể cả tổ chức, chuyên gia nước ngoài) phân biện đồ án quy hoạch phục vụ công tác thẩm định đồ án quy hoạch;

- Các khoản chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến công tác thẩm định dự án quy hoạch.

3.3. Đề xuất mức thu

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và Luật Xây dựng, Chính phủ đã giao cho Bộ Xây dựng công bố định mức thực hiện quy hoạch đô thị (Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010) và định mức thực hiện quy hoạch xây dựng (Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015).

Từ năm 2010 đến nay, Bộ Xây dựng đã ban hành các Thông tư hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Các Thông tư đã ban hành gồm: Số 17/2010/QĐ-BXD ngày 30/9/2010, số 01/2013/TT-BXD ngày 08/02/2013, số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017, số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019. Tại các Thông tư trên, Bộ Xây dựng đã ban hành định mức chi phí cho công tác thẩm định đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Định mức chi phí thẩm định mới chỉ đáp ứng được những khoản chi phí cần thiết tối thiểu phục vụ cho công tác thẩm định đồ án quy hoạch như: chi cho các cá nhân trực tiếp tham gia, chi hội nghị, chi phô tô, in ấn...

Để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong việc sử dụng, thanh quyết toán chi phí thẩm định đồ án quy hoạch, đồng thời, để tránh sự biến động, thay đổi trong tổ chức thực hiện; Bộ Xây dựng đề xuất mức thu phí thẩm định các đồ án quy hoạch trên cơ sở kế thừa mức thu chi phí thẩm định đồ án quy hoạch đã được ban hành tại Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch

xây dựng và quy hoạch đô thị. Cụ thể mức thu phí thẩm định tính theo tỷ lệ % của chi phí lập đồ án quy hoạch như sau:

a) Đối với thẩm định đồ án quy hoạch lập mới

Chi phí lập đồ án (triệu đồng)	≤ 200	500	700	1.000	2.000	5.000	7.000	≥ 10.000
Mức phí thẩm định đồ án quy hoạch (tỷ lệ %)	12,3	9,7	8,4	7,5	5,5	3,9	3,2	2,8

Trong đó, mức phí thẩm định trên chưa bao gồm:

- Chi phí thuê tổ chức, chuyên gia (kể cả tổ chức, chuyên gia nước ngoài) phân biện đồ án quy hoạch phục vụ công tác thẩm định đồ án quy hoạch;
- Chi phí cho công việc khảo sát thực địa phục vụ việc thẩm định đồ án quy hoạch (nếu có).

Các khoản chi phí này (nếu có) sẽ được lập dự toán làm cơ sở bố trí dự toán ngân sách hàng năm.

b) Đối với các đồ án quy hoạch điều chỉnh tổng thể¹:

- Trường hợp phạm vi điều chỉnh vượt quá quy mô diện tích và dân số của đồ án đã được phê duyệt thì phí thẩm định đồ án quy hoạch bằng mức tỷ lệ tại mục a nhân hệ số điều chỉnh $k = 1$.

- Trường hợp phạm vi điều chỉnh không vượt quy mô diện tích và dân số của đồ án đã được phê duyệt thì phí thẩm định đồ án quy hoạch bằng mức tỷ lệ tại mục a nhân hệ số điều chỉnh $k = 0,8$.

c) Đối với các đồ án quy hoạch điều chỉnh cục bộ thì phí thẩm định đồ án quy hoạch bằng mức tỷ lệ tại mục a nhân hệ số điều chỉnh $k = 0,2$.

IV. PHƯƠNG ÁN THU, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG

4.1. Phương án thu phí

Phương án thu phí được đề xuất như sau:

¹ Căn cứ vào các nội dung điều chỉnh quy hoạch tại Luật Quy hoạch đô thị và Luật Xây dựng, khoản 5 Điều 5 Thông tư số 20/2019/TT-BXD

7/2020
TĐ

- Những cơ quan, đơn vị có nhu cầu thẩm định đồ án quy hoạch phải nộp phí thẩm định đồ án quy hoạch.

- Phí được nộp đủ một lần vào thời điểm nhận kết quả thẩm định đồ án quy hoạch (Kết quả thẩm định đồ án là báo cáo thẩm định theo những nội dung thẩm định theo quy định – *Mẫu báo cáo thẩm định gửi kèm theo*).

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thu phí theo quy định của pháp luật về tài chính hiện hành. Tổ chức thu phí gồm: Bộ Xây dựng, Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp tỉnh (Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc), Cơ quan quản lý quy hoạch đô thị cấp huyện (các phòng chuyên môn theo phân công).

- Các cơ quan nhà nước được giao thẩm định đồ án quy hoạch đồng thời là cơ quan lập đồ án quy hoạch, kinh phí lập và thẩm định được giao trong dự toán ngân sách hàng năm.

4.2. Phương án quản lý phí

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí, số tiền phí được khấu trừ hoặc để lại = Số tiền phí thu được x Tỷ lệ để lại.

Tỷ lệ để lại được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{\text{Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (1)}}{\text{Dự toán cả năm về phí thu được (2)}} \times 100\%$$

(1) Dự toán cả năm về chi phí cần thiết cho các hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí được xây dựng căn cứ nội dung chi tại Khoản 2 Điều này và căn cứ chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi theo quy định.

(2) Dự toán cả năm về phí thu được do tổ chức thu thực hiện được xây dựng căn cứ mức phí dự kiến và số lượng dịch vụ cung cấp trong năm.

Áp dụng công thức trên, tỷ lệ để lại Phí thẩm định đồ án quy hoạch được xác định như sau:

Trên cơ sở phương án mức thu phí thẩm định đồ án quy hoạch ở trên, dự kiến tổng số thu từ phí thẩm định đồ án quy hoạch do Bộ Xây dựng thực hiện

thẩm định của các tổ chức cơ quan, đơn vị trong năm là 960.092.366 đồng; dự kiến số chi như sau:

- Chi cho các cá nhân trực tiếp tham gia thẩm định: 522.000.000 đồng;
- Chi họp, lấy ý kiến: 20.250.000 đồng;
- Chi phô tô, in ấn: 321.832.006 đồng;
- Tổng chi: 864.082.600 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

$$\text{Tỷ lệ để lại (\%)} = \frac{864.082.600}{960.092.366} = 90\%$$

Trong đó:

- Toàn bộ phần tiền lương của công chức thực hiện thẩm định đã được ngân sách nhà nước chi trả.

- Các chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình thẩm định: Tiền cho các cá nhân trực tiếp tham gia thẩm định, hội họp, phô tô, in ấn... (90% chi phí thẩm định) để lại đơn vị thu phí để trang trải cho quá trình thẩm định đồ án quy hoạch.

- Định kỳ hàng tháng cơ quan thu phí phải gửi số tiền phí thu được vào tài khoản Kho bạc nhà nước.

- Hàng năm, cơ quan tổ chức thu phí có trách nhiệm quyết toán toàn bộ số tiền thu chi theo chế độ kế toán hiện hành. Trường hợp cuối năm số tiền phí được để lại chi không hết thì được phép chuyển sang năm sau.

4.3. Phương án sử dụng phí

Phí thu được là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước được chi cho các nội dung sau đây:

- Chi thanh toán cho cá nhân thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí: tiền lương, tiền công, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo quy định được tính trên tiền lương (trừ chi phí tiền lương cho cán bộ, công chức đã hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo chế độ quy định);

- Chi phí phục vụ cho việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí như: văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước, công tác phí... theo tiêu chuẩn, định mức hiện hành;

- Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ cho thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

- Chi mua sắm vật tư, nguyên liệu liên quan đến việc thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí;

- Chi hội họp, hội nghị, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình thẩm định đồ án quy hoạch.

- Một số khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác thẩm định đồ án quy hoạch.

Trên đây là Đề án “*Mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch*” do Bộ Xây dựng triển khai thực hiện theo quy định./.

BẢNG TỔNG HỢP THU, CHI TỪ NGUỒN KHÁC

STT	Thu trong kỳ			Dự kiến chi		Số còn lại
	Cơ quan	Tên dự án	Số tiền	Nội dung	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7=4-6
			960.092.366		864.082.600	96.009.766
1	ĐH Đà Nẵng	QH phân khu XD ĐH Đà Nẵng, tỷ lệ 1/2000	180.921.588	Thực hiện HĐ chuyên gia - Vũ Đăng Hùng Thực hiện HĐ chuyên gia - Nguyễn Hoài Đức RTM: Hợp Photo, in ấn	72.000.000 36.000.000 3.960.000 50.868.900	18.092.688
1	Sở XD Lạng Sơn	QH chung XD Khu du lịchQG Mẫu Sơn, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2040	207.875.000	Thực hiện HĐ chuyên gia - Vương Anh Dũng Thực hiện HĐ chuyên gia - Đàm Quang Tuấn RTM: Hợp Photo, in ấn	72.000.000 72.000.000 3.780.000 39.307.500	20.787.500
2	Sở XD Nam Định	Điều chỉnh cục bộ QH chung Tp. Nam Định, tỉnh Nam Định đến năm 2025	20.000.000	RTM: Hợp Photo, in ấn	5.400.000 12.600.000	2.000.000
3	Sở XD Nam Định	Điều chỉnh QH chung Tp. Nam Định đến năm 2040	216.622.642	Thực hiện HĐ chuyên gia - Vương Anh Dũng Thực hiện HĐ chuyên gia - Đàm Quang Tuấn RTM: Hợp Photo, in ấn	72.000.000 72.000.000 3.870.000 47.090.378	21.662.264
4	ĐH QG Hà Nội	QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu VNC2	72.889.045	Thực hiện HĐ chuyên gia - Trần Tuấn Anh Photo, in ấn	36.000.000 29.600.141	7.288.905
5	ĐH công nghệ	QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 dự án QG-HN08	78.156.000	Thực hiện HĐ chuyên gia - Nguyễn Trí Dũng Photo, in ấn	36.000.000 34.340.400	7.815.600
6	ĐH QG Hà Nội	QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 dự án	87.050.000	Thực hiện HĐ chuyên gia - Lê Đình Trí	36.000.000	8.705.000

Handwritten signature

BẢNG TỔNG HỢP THU, CHI TỪ NGUỒN KHÁC

STT	Thu trong kỳ			Dự kiến chi		Số còn lại
	Cơ quan	Tên dự án	Số tiền	Nội dung	Số tiền	
1	2	3	4	5	6	7=4-6
		QG-HN03		RTM: Hợp	1.890.000	
				Photo, in ấn	40.455.000	
7	ĐH QG Hà Nội	QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 dự án QG-HN13	51.875.091	Thực hiện HĐ chuyên gia - Nguyễn Hoàng Tổ Quyên	18.000.000	5.187.509
				RTM: Hợp	1.350.000	
				Photo, in ấn	27.337.582	
8	Viện Trần Nhân Tông	QH chi tiết XD tỷ lệ 1/500 khu VNC6	44.703.000	Photo, in ấn	40.232.700	4.470.300

Wan

